

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.360.291.552.635	1.097.308.745.297
I. Tiền	110		61.440.598.930	400.129.908.591
1. Tiền	111	5	56.305.047.906	50.568.241.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.135.551.024	349.561.666.667
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.242.759.886	23.833.673.404
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		42.242.759.886	23.833.673.404
III. Các khoản phải thu	130		330.091.289.075	282.493.005.496
1. Phải thu của khách hàng	131		294.380.354.432	276.399.513.241
2. Trả trước cho người bán	132		31.855.739.609	14.672.011.980
3. Các khoản phải thu khác	138	6	25.679.938.148	4.065.211.688
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(21.824.743.114)	(12.643.731.413)
IV. Hàng tồn kho	140		886.217.740.413	351.745.421.882
1. Hàng tồn kho	141	7	886.217.740.413	351.745.421.882
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.299.164.331	39.106.735.924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.329.480.769	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.932.444.174	12.527.977.588
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		1.726.249.544	26.246.869.776
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	13.310.989.844	331.888.560
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1.180.069.116.585	221.144.391.288
I. Tài sản cố định	220		993.211.482.969	104.656.191.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	942.010.498.634	87.119.364.936
- Nguyên giá	222		1.379.762.131.485	341.785.484.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(437.751.632.851)	(254.666.119.885)
2. Tài sản cố định vô hình	221	10	26.810.720.756	17.504.069.767
- Nguyên giá	222		28.019.135.751	17.850.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.208.414.995)	(345.930.233)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	24.390.263.579	32.756.364
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		290.000.000	89.324.839.204
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		0	199.410.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(710.000.000)	(111.085.160.796)
III. Tài sản dài hạn khác	260		186.567.633.616	27.163.361.017
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	186.440.247.753	26.993.513.199
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		127.385.863	169.847.818
Tổng cộng tài sản	270		2.540.360.669.220	1.318.453.136.585

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		1.843.939.901.402	794.838.365.131
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>1.466.068.804.588</i>	<i>793.784.219.437</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.286.334.649.371	704.196.738.260
2. Phải trả cho người bán	312		105.819.469.200	52.523.153.317
3. Người mua trả tiền trước	313		3.162.650.071	1.213.260.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	18.388.625.762	1.372.232.972
5. Phải trả người lao động	315		7.373.669.109	6.938.933.953
6. Chi phí phải trả	316		23.338.338.297	7.463.262.346
7. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		7.056.862.826	3.552.424.407
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		14.594.539.952	16.524.213.554
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>377.871.096.814</i>	<i>1.054.145.694</i>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	376.859.352.895	
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.011.743.919	1.054.145.694
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		696.420.767.818	523.614.771.454
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>17</i>	<i>696.420.767.818</i>	<i>523.614.771.454</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		492.202.620.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		363.790.000	363.790.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.835.568.717	8.835.568.717
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		145.945.713.472	130.092.933.471
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.269.699.265	25.909.026.633
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.803.376.364	58.413.452.633
Tổng cộng nguồn vốn	440		2.540.360.669.220	1.318.453.136.585

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Ngân

Hưng Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II & lũy kế từ đầu năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012		Năm 2011	
			Quý II	Lũy kế từ đầu năm	Quý II	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	1.102.523.478.812	2.037.757.398.852	981.121.842.860	1.984.810.826.356
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3	19	9.857.775.370	15.808.220.850	8.733.711.080	16.727.606.580
+ Chiết khấu thương mại	4		8.858.199.370	14.797.187.850	8.733.711.080	16.727.606.580
+ Giảm giá hàng bán	5		0	11.457.000		
+ Hàng bán bị trả lại	6		999.576.000	999.576.000		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	7		0	0		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		1.092.665.703.442	2.021.949.178.002	972.388.131.780	1.968.083.219.776
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.005.516.895.967	1.876.795.570.432	894.177.690.798	1.790.086.869.434
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		87.148.807.475	145.153.607.570	78.210.440.982	177.996.350.342
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	981.913.908	3.377.385.330	2.867.859.706	7.095.169.028
7. Chi phí tài chính	22	23	55.292.014.408	86.003.298.688	17.088.572.014	35.607.521.399
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.358.008.272	33.982.823.662	16.073.148.651	34.088.788.482
8. Chi phí bán hàng	24		9.458.230.519	21.106.741.120	10.610.663.927	19.636.442.659
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.783.976.350	13.350.598.223	5.953.867.714	10.461.771.966
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.596.500.106	28.070.354.869	47.425.197.033	119.385.783.346
11. Thu nhập khác	31		76.856.340	81.401.795	30.000.000	70.993.182
12. Chi phí khác	32		250.365.172	250.365.172	298.273.088	298.273.088
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(173.508.832)	(168.963.377)	(268.273.088)	(227.279.906)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		15.422.991.274	27.901.391.492	47.156.923.945	119.158.503.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	4.111.303.146	7.255.553.173	11.936.159.132	30.045.419.941
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	42.461.955	42.461.955	356.747.626	356.747.626
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		11.269.226.173	20.603.376.364	34.864.017.187	88.756.335.873
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần)	70	25	229	418	1.162	2.959

LẬP BIỂU

Amr

Đặng Thị Tuyết Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Ngân

Nguyễn Hoàng Ngân

Hưng Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2012
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.901.391.492	119.158.503.440
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	23.658.826.677	17.817.167.842
- Các khoản dự phòng	03	49.840.722.381	(24.472.001)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04	(3.377.385.330)	(6.889.796.569)
- Chi phí lãi vay	06	33.982.823.662	34.088.788.482
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	132.006.378.882	164.150.191.194
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	29.370.697.207	(148.506.175.017)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(121.176.179.363)	377.189.766.755
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(144.044.715.787)	(316.422.624.887)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(11.812.024.897)	(24.409.212.121)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(24.179.121.220)	(34.970.758.211)
- Thuế TNDN đã nộp	14	(2.891.966.821)	(29.311.788.582)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	92.747.404	41.987.966.399
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(21.375.840.047)	(14.769.528.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(164.010.024.642)	14.937.837.321
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.409.091)	(949.965.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		56.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.409.086.482)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.377.385.330	6.889.796.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.066.110.243)	61.939.831.297
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.644.220.570.123	939.845.095.407
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.816.959.885.332)	(1.041.387.941.929)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.993.150.000)	(58.756.709.875)
6. Tiền tăng do nhận sáp nhập Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà		43.119.290.433	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(159.613.174.776)	(160.299.556.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(338.689.309.661)	(83.421.887.779)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	400.129.908.591	226.782.408.392
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	61.440.598.930	143.360.520.613

LẬP BIỂU

Đặng Thị Tuyết Dung

Đặng Thị Tuyết Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Ngân

Nguyễn Hoàng Ngân

Hưng Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2012
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) thành Công ty Cổ phần.

Ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 12 (đăng ký Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hải Phòng, tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà) với số vốn điều lệ là 492.202.620.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý tại Hải Phòng.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.057 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sản xuất sắt, thép gang;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình của Dự án Nhà máy Sản xuất Phôi thép đặt tại Khu công nghiệp Đông Nam Cầu Kiền, Hoàng Động, Thủy Nguyên do Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà là chủ đầu tư nay được bàn giao cho Công ty Cổ phần Thép Việt Ý. Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng.

Tài sản cố định hữu hình của Dự án Nhà máy Sản xuất Phôi thép trực tiếp tham gia sản xuất được khấu hao theo phương pháp sản lượng, căn cứ trên sản lượng sản xuất thực tế và sản lượng theo công suất thiết kế, trong đó sản lượng theo công suất thiết kế được xác định dựa trên công suất thiết kế 400.000 tấn/năm của dây chuyền máy móc, thiết bị và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh Công ty Cổ phần thép Việt Ý đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của các tài sản cố định trực tiếp sản xuất theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 03 năm 2012 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được phê duyệt. Việc thay đổi tỷ lệ này làm cho chi phí khấu hao trong kỳ tăng 2.673.361.351 VND so với việc áp dụng tỷ lệ khấu hao như các kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 31/5/2012	Từ 01/01/2011 đến 31/5/2011
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30	10
Máy móc, thiết bị	5 - 11	10
Thiết bị văn phòng	4 - 5	4
Phương tiện vận tải	6 - 8	8
Cây lâu năm	20	

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần thép Việt Ý thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng thể hiện giá trị đền bù giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng nhà máy được ghi nhận như quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng còn lại theo hợp đồng thuê đất là 29 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giải Phá, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1,921,923,734	1,074,226,520
Tiền gửi ngân hàng	51,929,705,692	49,494,015,404
Các khoản tương đương tiền	7,588,969,504	349,561,666,667
	61,440,598,930	400,129,908,591

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	30/6/2011
	VND	VND
Phải thu tiền thép thiếu hụt, không đủ phẩm chất	19,632,576,455	4,065,211,688
Khác	6,047,361,693	-
	25,679,938,148	4,065,211,688

Trong đó, 25.562.985.538 VND là các khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng. Các khoản phải thu ngắn hạn khác này chủ yếu phản ánh giá trị thép phế giao thiếu so với hóa đơn của các nhà cung cấp nước ngoài. Số thép phế giao thiếu phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 19.632.576.455 VND. Trong đó, 10.983.658.742 VND là toàn bộ giá trị các lô hàng không đảm bảo chất lượng theo hợp đồng đã ký kết và đang giải quyết khiếu nại với khách hàng là Công ty SINO-ADD (SINGAPORE) PTE LTD, Công ty UNITED METALS F.Z.E, Công ty CNA Metal LTD, Công ty Litte Rose, Công ty GLOBAL METCORP LIMITED và Công ty Kawamin Pacific Pte LTD.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	255,563,063,973	96,002,468,494
Nguyên liệu, vật liệu	322,617,917,191	6,373,607,474
Công cụ, dụng cụ	5,440,082,379	249,369,345,914
Thành phẩm	302,596,676,870	-
Cộng	886,217,740,413	351,745,421,882
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	886,217,740,413	351,745,421,882

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	3,812,641,431	243,242,926
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9,498,348,413	88,645,634
	13,310,989,844	331,888,560

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	59.287.580.904	263.899.467.154	965.327.958	17.633.108.805		341.785.484.821
Mua trong năm			34.409.091			34.409.091
Tăng do sáp nhập	425.932.478.747	574.871.051.426	570.403.202	35.60.094.040	928.210.158	1.037.942.237.573
Đầu tư xây dựng						
Giảm trong kỳ						
Tại ngày 30/06/2012	59.287.580.904	263.899.467.154	999.737.049	19.820.429.042	928.210.158	1.379.762.131.485
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	44.466.906.369	200.449.440.974	438.257.940	9.311.514.602		254.666.119.885
Trích khấu hao	4.881.308.544	16.919.120.216	123.965.124	1.493.785.459	3.867.542	19.194.036.361
Tăng do sáp nhập	44.945.364.003	104.806.433.890	204.044.437	9.657.457.254	50.166.497	159.663.466.081
Giảm trong kỳ						
Tại ngày 30/06/2012	47.726.340.320	214.432.587.767	554.544.747	11.146.683.412	54.034.039	273.860.156.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	14.820.674.535	63.450.026.180	527.070.018	8.321.594.203		87.119.364.936
Tại ngày 30/06/2012	390.926.480.735	516.595.523.500	803.872.750	32.810.445.530	874.176.119	942.010.498.634

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.626.943.506 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11.817.612.935 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị còn lại của nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn ngân hàng là 851.051.732.280 đồng (31 tháng 12 năm 2011 là 810.896.424.135 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chi phí giải phòng mặt bằng	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	17.850.000.000		17.850.000.000
Tăng do sáp nhập		10.169.135.751	10.169.135.751
Giảm trong kỳ			
Tại ngày 30/06/2012	17.850.000.000	10.169.135.751	28.019.135.751
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	345.930.233		345.930.233
Trích khấu hao	103.779.069		103.779.069
Tăng do sáp nhập		625.704.970	625.704.970
Tại ngày 30/06/2012	553.488.371	625.704.970	1.208.414.995
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	17.504.069.767		17.504.069.767
Tại ngày 30/06/2012	17.296.511.629	9.543.430.781	26.810.720.756

Quyền sử dụng đất thể hiện tiền thuê 10.000 m2 đất tại Khu Công nghiệp Phố Nối A trong thời gian 43 năm. Khu đất được sử dụng cho mục đích đi dời xưởng luyện cán thép và dây chuyền sản xuất 2.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dư cuối kỳ	24,390,263,579	32,756,364
<i>Trong đó:</i>		
- Công trình tuyến đường vào nhà máy (Chi nhánh Hải Phòng)	14,832,290,901	-
- Công trình khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại xã Thiên Hương (Chi nhánh Hải Phòng)	7,988,935,678	-
- Công trình tuyến đường nội bộ nhà máy thép Việt Ý	1,569,037,000	-
- Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	32,756,364
	<u>24,390,263,579</u>	<u>32,756,364</u>

Trong đó, 22.821.226.579 VND là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng tại Toà nhà HH4 Mỹ Đình	40.464.125.707	26.993.513.199
Lợi thế thương mại	141.080.878.224	
Dụng cụ khác	4.895.243.822	
Phân bổ	1.705.781.652	
Tại ngày 30/06/2012	<u>186.440.247.753</u>	<u>26.993.513.199</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	30/06/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NH Đầu tư PT Việt Nam – CN Bắc Hưng Yên	287.549.448.486	
Ngân hàng đầu tư phát triển Phố Nối	89.203.049.288	27.000.000.000
Ngân hàng ngoại thương Hải dương	590.373.297.745	356.322.510.100
Ngân hàng Hàng Hải – CN Đồng Đa	85.304.826.789	
Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội	27.996.697.984	
Ngân hàng Công thương Hưng Yên	52.518.471.907	205.242.228.160
Ngân hàng HSBC CN Hà Nội	36.701.444.000	115.632.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>116.687.413.172</u>	
Tại ngày 30 tháng 06	<u>1.286.334.649.371</u>	<u>704.196.738.260</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý là 449.309.983.866 VND được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyển đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	13,535,130,197	581,709,698
Thuế xuất, nhập khẩu	130,061,487	277,004,617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,406,048,307	-
Thuế thu nhập cá nhân	306,225,432	502,358,318
Các loại thuế khác	9,363,539	9,363,539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1,796,800	1,796,800
	<u>18,388,625,762</u>	<u>1,372,232,972</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	376,859,352,895	-
	<u>376,859,352,895</u>	<u>-</u>

(i) Đây là khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà nay là chi nhánh của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng. Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/VIS ngày 11/8/2007 để đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất phôi thép ở Hải Phòng. Bên vay thế chấp toàn bộ Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án, bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, xe cộ, các công trình xây dựng và các bất động sản, động sản khác nằm trên hay liên quan đến Nhà máy Sản xuất Phôi thép của Dự án (hiện có hoặc sẽ hình thành trong tương lai), bao gồm cả quyền được nhận tiền bảo hiểm từ tài sản này. Theo biên bản sửa đổi lần 1 của Hợp đồng thế chấp số 03/VIS ngày 20/02/2009, giá trị tài sản thế chấp là 920.392.056.000 VND.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	116,687,413,172	-
Trong năm thứ hai	116,082,752,122	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	260,776,600,773	-
Sau năm năm	-	-
	<u>493,546,766,067</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	116,687,413,172	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>376,859,352,895</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	300,000,000,000	363,790,000	8,835,568,717	110,092,933,471	20,493,632,270	141,615,394,363
Phân phối lợi nhuận 2010	-	-	-	20,000,000,000	5,415,394,363	(110,415,394,363)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	27,213,452,633.00
Tại ngày 31/12/2011	300,000,000,000	363,790,000	8,835,568,717	130,092,933,471	25,909,026,633	58,413,452,633
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	192,202,620,000	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận 2011	-	-	-	15,852,780,001	1,360,672,632	(57,213,452,633)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	20,603,376,364
Tại ngày 31/5/2012	492,202,620,000	363,790,000	8,835,568,717	145,945,713,472	27,269,699,265	21,803,376,364

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 15/GCN-UBCK ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận cho Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý được đăng ký chào bán ra công chúng 19.220.577 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của các cổ đông của Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà (trừ cổ đông là VIS). Tổng giá trị cổ phiếu chào bán tính theo mệnh giá là 192.205.770.000 đồng. Ngày kết thúc cổ phiếu chào bán cổ phiếu theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước của Công ty Cổ phần Thép Việt Ý là ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên (đăng ký thêm Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt – Ý tại Hải Phòng, tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà), vốn điều lệ của Công ty là 492.202.620.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Trích lập các quỹ và chia cổ tức**

Ngày 29 tháng 3 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền</u> <u>VND</u>
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,360,672,632
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,000,000,000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,852,780,001
Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>27,213,452,633</u>
Chia cổ tức tỷ lệ 10%	30,000,000,000
Cộng	<u>57,213,452,633</u>
Số cổ tức đã chi trong kỳ	-
Số cổ tức còn phải trả tại ngày 31/5/2012	<u>30,000,000,000</u>

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
Cổ phiếu thường	49,220,262	30,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Toàn bộ các bộ phận kinh doanh của Công ty có sự ràng buộc với nhau, môi trường kinh doanh tất cả các sản phẩm này là giống nhau. Mọi hoạt động của Công ty là đồng nhất. Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội, một văn phòng chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng và một chi nhánh Tây Bắc tại tỉnh Sơn La. Tuy nhiên tại các văn phòng trên chỉ thực hiện tập hợp chứng từ kế toán về Văn phòng Công ty tại Hưng Yên để hạch toán tập trung. Tất cả các quyết định là do Ban giám đốc quyết định và thống nhất trong mọi hoạt động của Công ty. Theo đó Ban Giám đốc Công ty đánh giá cả Công ty là một bộ phận cần báo cáo. Chính vì sự đồng nhất trong quá trình sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU**

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	2,037,689,087,852	1,982,770,078,712
Doanh thu hoạt động gia công	-	2,040,747,644
	<u>2,037,689,087,852</u>	<u>1,984,810,826,356</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	14,797,187,850	16,727,606,580
Giảm giá hàng bán	11,457,000	-
Hàng bán bị trả lại	999,576,000	-
	<u>15,808,220,850</u>	<u>16,727,606,580</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,876,795,570,432	1,789,086,209,918
Giá vốn của hoạt động gia công	-	1,000,659,516
	<u>1,876,795,570,432</u>	<u>1,790,086,869,434</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,856,756,993,322	1,533,631,203,322
Chi phí nhân công	20,800,192,112	10,217,559,167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23,274,871,943	13,840,513,508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43,543,398,676	13,087,962,498
Chi phí khác	8,178,340,830	191,618,944
	<u>1,952,553,796,883</u>	<u>1,570,968,857,439</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,085,973,544	6,889,796,569
Doanh thu hoạt động tài chính khác	291,411,786	205,372,459
	<u>3,377,385,330</u>	<u>7,095,169,028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	33,982,823,662	34,088,788,482
Lỗi chênh lệch tỷ giá	982,733,690	485,996,138
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	49,840,722,381	340,000,000
Chi phí tài chính khác	1,197,018,955	692,736,779
	86,003,298,688	35,607,521,399

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	27,901,391,492	119,158,503,440
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,120,821,201	1,023,176,325
Thu nhập chịu thuế	29,022,212,693	120,181,679,765
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,255,553,173	30,045,419,941
Thuế thu nhập hoãn lại	42,461,955	356,747,626
	7,298,015,128	30,402,167,567

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20,603,376,364	88,756,335,873
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30,126,451	30,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	684	2,959

26. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan và khả năng trả nợ của đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Từ 01/01/2012

Năm 2011

Đến 30/06/2012

VNDVNDChi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo
cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ

336.678.788

Chi phí thuê hoạt động thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tầng 8 và tầng 9 Tòa nhà HH4 Mỹ Đình theo Hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS ngày 18 tháng 01 năm 2010 giữa Tập đoàn Sông Đà và Công ty. Thời gian thuê là 50 năm trừ đi thời gian xây dựng Tòa nhà. Tổng giá tiền thuê là 38.886.400.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Tập đoàn Sông Đà.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.440.598.930	400.129.908.591
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.235.549.466	267.820.993.516
Đầu tư ngắn hạn	42.242.759.886	23.833.673.404
Đầu tư dài hạn	290.000.000	290.000.000
Tài sản tài chính khác	9.442.108.413	88.645.634
Tổng cộng	391.651.016.695	692.163.221.145
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.663.194.002.266	704.196.738.260
Phải trả người bán và phải trả khác	112.876.332.026	56.075.577.724
Chi phí phải trả	23.338.338.297	7.463.262.346
Tổng cộng	1.799.408.672.589	767.735.578.330

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
Đô la Mỹ (USD)	263.855.660.884		134.179.795.319	131.142.044
Euro (EUR)	51.853.362	51.853.362	11.255.119	11.253.449

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	112,876,332,026	-	112,876,332,026
Chi phí phải trả	23,338,338,297	-	23,338,338,297
Các khoản vay	1,286,334,649,371	376,859,352,895	1,663,194,002,266
31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	72,599,791,278	-	72,599,791,278
Chi phí phải trả	7,463,262,346	-	7,463,262,346
Các khoản vay	704,196,738,260	-	704,196,738,260

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và cá khoản tương đương tiền	61.440.598.930		61.440.598.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.235.549.466		298.235.549.466
Đầu tư ngắn hạn	42.242.759.886		42.242.759.886
Đầu tư dài hạn		290.000.000	290.000.000
Tài sản tài chính khác	9.442.108.413		9.442.108.413
31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tiền và cá khoản tương đương tiền	400.129.908.591		400.129.908.591
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.820.993.516		267.820.993.516
Đầu tư ngắn hạn	23.833.673.404		23.833.673.404
Đầu tư dài hạn		290.000.000	290.000.000
Tài sản tài chính khác	88.645.634		88.645.634

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	30/06/2012 <u>VND</u>	Năm 2011 <u>VND</u>
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	81.965.456.760	67.004.185.510
Công ty Sông Đà 7	46.802.514.320	36.27.786.580
Cty CP Sông Đà 12	2.318.868.000	
Cty CP Sông Đà 505	827.698.600	34.745.501.681
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Cty CP Sông Đà 6		21.838.170.950
Cty CP Sông Đà 604	15.214.163.500	3.683.121.400
XN Sông Đà 6.01	883.846.750	8.573.790.720
XN Sông Đà 6.05	4.434.914.750	10.815.237.700
Cty TNHH 1TV Sông Đà 9.08	4.534.595.800	4.791.361.280
CN Cty CP Sông Đà 406	1.422.667.500	
Cty CP Sông Đà 3	925.067.600	
Cty CP ĐT&TM dầu khí Sông Đà	10.323.120.500	2.510.663.150
Các bên liên quan khác	108.164.850	1.886.240.292
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty cổ phần luyện thép Sông Đà	1.202.540.260.573	1.369.734.196.460
Cty CP XL&dịch vụ Sông Đà	466.943.073	81.301.632
Tập đoàn Sông Đà	13.990.814.091	24.745.890.909
Các bên liên quan khác	659.536	7.000.000

Chính sách giá với các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát, có thể so sánh được.

	30/6/2012	31/12/2011
Các khoản phải thu		
Công ty Sông Đà 7	16.689.189.880	1.974.717.158
Công ty Sông Đà 5	28.091.171.189	32.504.427.096
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	5.816.628.390	4.051.433.540
Xí nghiệp Sông Đà 6.03 - Công ty CP Sông Đà 6	5.498.184.624	5.498.184.624
CN Cty Sông Đà 9.08	1.701.463.946	116.383.053
Cty CP ĐT&TM dầu khí Sông Đà	3.481.377.460	112.910.759
Công ty cổ phần Sông Đà 8	657.696.597	657.696.597
Công ty cổ phần Sông Đà 505	319.372.428	4.668.497.750
Công ty cổ phần Sông Đà 10.5	1.669.622.935	1.669.622.935
Xí nghiệp Sông Đà 601	972.231.425	372.306.791
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Công ty CP Sông Đà 6	629.757.920	2.294.760.600
Xí nghiệp Sông Đà 10.3	188.722.933	188.722.933
Công ty CP Sông Đà 12	2.550.754.800	
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	84.743.890	
Xí nghiệp Sông Đà 10.7	13.770.186.532	191.644.268
BĐH thủy điện Lai Châu	11.590.924.454	
CN Cty CP Sông Đà 406	1.564.934.250	
Cty CP Sông Đà 3	1.017.574.360	
Các bên liên quan khác	531.839.287	525.508.213

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản phải trả**

Cty CP tự động hóa và thông tin Sông Đà	48.293.307	
BDH Thủy điện XEKAMAN 3	260.423.152	
Cty CP XL và dịch vụ Sông Đà	61.910.782	
Công ty CP Luyện Thép Sông Đà		9.981.289.758
Các bên liên quan khác	34.107.381	342.098.350

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	30/6/2012	Năm 2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.395.861.779	4.378.481.591

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được công ty kiểm toán Deloitte soát xét.

31. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

Trong 6 tháng đầu năm 2012 kết quả một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty cổ phần Thép Việt - Ý đạt được như sau:

Doanh thu thuần	: 2.021,9 tỷ đạt 102,7 % so với cùng kỳ năm trước.
Lợi nhuận trước thuế:	27,9 tỷ đạt 23,4% so với cùng kỳ năm trước.
Sản lượng sản xuất	: 116.652 tấn đạt 91,4% so với cùng kỳ năm trước.
Sản lượng tiêu thụ	: 121.682 tấn đạt 95,3% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung các chỉ tiêu tài chính của Công ty đều giảm sút so với 6 tháng đầu năm 2011. Kết quả này ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân chính sau:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2012 tình hình kinh tế trong nước tiếp tục biến động. Lãi suất vay ngân hàng tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa tiếp cận được vốn. Nhiều công trình dự án bất động sản đã tạm dừng thi công từ năm trước chưa có dấu hiệu hoạt động trở lại. Nhu cầu về thép xây dựng trên thị trường tiếp tục giảm.

+ Thị trường thép thế giới có xu hướng giảm mạnh, nhất là trong quý 2/2012 đã ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường thép trong nước. Giá thép xây dựng trong nước liên tục giảm. Để duy trì sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã chấp nhận bán sản phẩm dưới giá thành để thu hồi vốn. Hàng loạt các doanh nghiệp sản xuất thép phải sản xuất cầm cự hoặc chấp nhận đóng cửa. Đây là những nguyên nhân làm cho sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty không đạt so với cùng kỳ năm trước dẫn đến kết quả lợi nhuận giảm sút so với cùng kỳ năm trước.

+ Công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà số tiền là 49.658.826.677 đồng.

+ Từ ngày 1/6/2012 Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà đã chính thức trở thành Chi nhánh công ty cổ phần thép Việt - Ý tại Hải phòng. Kết quả của hoạt động sản xuất phối trong tháng 6 là 12,8 tỷ đồng.

Trên đây là một số nguyên nhân chính làm cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt so với 6 tháng đầu năm 2011.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Ami

Đặng Thị Tuyết Dung

Kế toán trưởng

V

Nguyễn Hoàng Ngân

Tổng Giám đốc



Trần Văn Thạnh